

Ngày thi: 05/01/2014

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15			15		15			55	100			
1	178224851	NGUYỄN NGỌC	TUẤN	T17XDCB	0			0		0			HP	0.0	Không		
2	178224852	NGUYỄN THÁI	QUỐC	T17XDCB	9			0		0			HP	0.0	Không		
3	178224853	HOÀNG NHƯ	BÓN	T17XDCB	8			7.5		8			4.5	6.0	Sáu		
4	178224854	TRẦN XUÂN	NAM	T17XDCB	8			7.5		7			5	6.1	Sáu phẩy Một		
5	178224855	TRƯƠNG TẤN	HẢI	T17XDCB	6			8		8.5			5	6.1	Sáu phẩy Một		
6	178224856	NGUYỄN VĂN	HÀ	T17XDCB	10			7.5		6			4.5	6.0	Sáu		
7	178224857	PHẠM	LỘC	T17XDCB	10			7.5		8.5			4.5	6.4	Sáu phẩy Bốn		
8	178224858	TRẦN TRỌNG	ANH	T17XDCB	10			9.5		8			6	7.4	Bảy phẩy Bốn		
9	178224859	VƯƠNG TRẦN	LỘC	T17XDCB	10			8.5		9			7.5	8.3	Tám phẩy Ba		
10	178224861	TRẦN VĂN	TUẤN	T17XDCB	10			7		8.5			4	6.0	Sáu		
11	178224862	CAO BÁ	LONG	T17XDCB	9			6.5		9.5			6.5	7.3	Bảy phẩy Ba		
12	178224863	NGUYỄN ĐỨC	THỌ	T17XDCB	10			8.5		9			6	7.4	Bảy phẩy Bốn		
13	178224864	MAI XUÂN	LAN	T17XDCB	8			6.5		8			6.5	7.0	Bảy		
14	178224868	ĐOÀN GIA	HUYNH	T17XDCB	8			9		7.5			7	7.5	Bảy phẩy Năm		
15	178224869	PHAN HỮU	TÀI	T17XDCB	10			7.5		9			6	7.3	Bảy phẩy Ba		
16	178224870	HỒ QUANG	THONG	T17XDCB	7			7		7.5			5	6.0	Sáu		
17	178224872	ĐINH VĂN	LONG	T17XDCB	10			6.5		7			4	5.7	Năm phẩy Bảy		
18	178224873	TRẦN VĂN	CƯỜNG	T17XDCB	6			7.5		6			6	6.2	Sáu phẩy Hai		
19	178224874	ĐINH VĂN	DUỜNG	T17XDCB	6			8		8			6.5	6.9	Sáu phẩy Chín		
20	178224877	LƯU HỒNG	THÁI	T17XDCB	10			6.5		8			7	7.5	Bảy phẩy Năm		
21	178224879	TRẦN VĂN	CHÍ	T17XDCB	6			7		7.5			2	0.0	Không		
22	168222063	NGUYỄN ĐÔNG	ANH	T17XDCB	8			7		9			7	7.5	Bảy phẩy Năm		
23	152210268	TRƯƠNG	TUẤN	T15XDC	7			7		7			4.5	5.6	Năm phẩy Sáu	57458DT	
24	161217626	NGÔ TẮT	THỌ	K16XCD	9			6.5		7.5			4	5.7	Năm phẩy Bảy	60492DT	
25	168212022	NGUYỄN SỸ	NGUYỄN	T16XDD	6			6.5		6			7	6.6	Sáu phẩy Sáu	60773DT	
26	152221769	NGUYỄN ĐĂNG	ĐUỜNG	D16XDCB	8			6		5.5			7.5	7.1	Bảy phẩy Một	62495DT	
27	151216132	ĐOÀN CHÍ	CÔNG	K15XCD	7.5			8		6.5			5	6.1	Sáu phẩy Một	60474DT	
28	142522783	PHAN ĐÌNH	LUYẾN	K15XDD	9			8.5		8			6	7.1	Bảy phẩy Một	60789DT	
29	168222119	NGUYỄN QUANG	TRUNG	T16XDC	9			5		6.5			4	5.3	Năm phẩy Ba	63721DT	
30	161217508	PHẠM ANH	TUẤN	K16XCD	8			6.5		6			2	0.0	Không	62635DT	
31	168222070	PHAN ĐÌNH	CÔNG	T16XDC	8			5		7			4	5.2	Năm phẩy Hai	63712DT	
32	4721	HỒ NGỌC	HIẾU	K14XDC	6.5			0		6.5			5	4.7	Bốn phẩy Bảy	Thi Ghép	

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	27	87%	
2	Số sinh viên nợ	4	13%	
TỔNG CỘNG :		31	100%	

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(ký và ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO KHOA
(ký và ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, ngày 13 tháng 01 năm 2014
PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
(ký và ghi rõ họ tên)

Phan Thanh Tâm

Trương Văn Tâm

ThS. Nguyễn Quốc Lâm

ThS. Nguyễn Ân